

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2022/DS-PT**
Ngày: 14-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Tổ A, khu phố B, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc D: Bà Hứa Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: A, khu phố B, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2022) – vắng mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Phan Văn L, sinh năm 1965.

- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố A, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn L: Ông Hồ Duy T – Luật gia thuộc Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Người kháng cáo: Ông Phan Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Do chỗ quen biết nên ông Phan Văn L có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần từ năm 2010, đến ngày 07/11/2019 hai bên chốt nợ, ông L thừa nhận còn nợ ông D 250.000.000 đồng và ký vào giấy mượn tiền. Các giấy vay tiền trước đây đã xé bỏ. Ông L có đưa cho ông D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6, khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai do vợ chồng ông L và bà T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin.

Trong đơn khởi kiện, ông D yêu cầu ông L, bà Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 250.000.000 đồng và 80.000.000đ tiền lãi. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải vụ án, ông D xác định chỉ khởi kiện một mình ông L vì thật sự việc vay mượn là giữa ông D với ông L, không liên quan gì đến bà T. Khi đưa tiền cho ông L vay thì ông D cũng đưa cho chính ông L, ông chỉ gặp bà T một lần là cách đây khoảng hai năm khi đến nhà báo cho bà T việc ông L có vay tiền, ngoài ra ông D và bà T không có quen biết gì và cũng không liên quan gì đến việc vay mượn giữa nguyên đơn và ông L. Ông D xác định không khởi kiện bà T mà chỉ khởi kiện một mình ông L phải trả khoản nợ 250.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, ông D sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D xác định giữ nguyên nội dung trình bày như trên của ông D, chỉ yêu cầu ông L trả số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi và sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 776767 đối với thửa đất số 259 tờ bản đồ số 6, khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai cho ông L.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn L trình bày:

Ông thừa nhận giấy vay tiền lập ngày 07/11/2019 mà ông D cung cấp là do ông L ký tên. Ông xác định việc vay mượn nợ là của cá nhân ông, không liên quan đến vợ là bà T. Thừa nhận ông có vay mượn nhiều lần của ông D từ khoảng năm 2010, để chi tiêu cá nhân và giúp đỡ bạn bè. Tuy nhiên, ông chỉ vay tổng cộng số tiền khoảng 30.000.000đ. Ông đã trả lãi hàng tháng tháng, cứ 1.000.000đ tiền gốc ông trả cho ông D 50.000đ tiền lãi cho 1 tháng. Đến năm 2019 ông không trả được cho ông D nữa. Khi ông trả nợ cho ông D thì ông D ghi vào sổ của ông D nên ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho số tiền mình đã vay cũng như số tiền mình đã trả.

Việc ông ký giấy xác nhận còn nợ số tiền của ông D số tiền 250.000.000 đồng là do khi đó ông không ký cũng không được nên ông phải ký, vì ông D ghi sẵn và yêu cầu ông ký vào, ông D không dùng vũ lực gì để ép ông ký nhưng ông nghĩ ký vào sau này pháp luật sẽ bảo vệ ông nên ông mới ký, nhưng thực tế số tiền ông vay của ông D chỉ khoảng 30.000.000đ. Trước thời gian ghi giấy chốt nợ còn 250.000.000đ thì ông nhớ ông chỉ còn nợ ông D khoảng 70.000.000đ gồm cả gốc và lãi, ông có xin ông D trả góp ngược về trước nhưng ông D không đồng ý nên ông ngưng không trả nữa. Nay ông không đồng ý trả cho ông D 250.000.000 đồng mà chỉ đồng ý thanh toán cho ông D số tiền 30.000.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 cho đến nay. Ông, bà có 03 người con chung, hiện nay vợ chồng đang chung sống tại khu phố A, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Nay bà được biết ông D khởi kiện vợ chồng bà, yêu cầu trả số tiền 250.000.000 đồng bà hoàn toàn không đồng ý. Vì bà không hề biết việc chồng bà vay mượn tiền của ông D, và bà không hề biết việc ông L thế chấp thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 phường Phú Bình, thành phố Long Khánh cho ông Dũng, đồng thời bà cũng không biết ông D là ai. Tại buổi đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải vụ án ông D đã xác định việc vay mượn nợ không liên quan gì đến bà và xác định chỉ khởi kiện mình cá nhân ông L trả số tiền trên bà không có ý kiến gì vì không liên quan đến bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đã tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, buộc ông Phan Văn L trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 250.000.000đ. Ông Nguyễn Văn D trả lại cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 776767 đối với thửa đất số 259 tờ bản đồ số 6, khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành bản án của tòa án.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 30/5/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn L kháng cáo với lý do cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải trả nguyên đơn ông D số tiền 250.000.000đ là không khách quan, vì ông chỉ vay của ông D số tiền 30.000.000đ, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền phải trả cho ông D.

- Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn L: Giấy vay tiền do ông D ghi sẵn, ông D gây áp lực về tinh thần để buộc ông L phải ký. Vì ông L vay tiền không có nói cho bà T, khi đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L không có yêu cầu ông D làm giấy xác nhận, ông L lo sợ ông D sẽ nói cho bà T biết nên phải ký vào giấy vay tiền. Bà H đại diện cho ông D tại phiên tòa sơ thẩm xác định ông L chỉ nợ ông D tiền vay gốc là

180.000.000đ, không phù hợp số tiền vay ông L ký theo giấy vay. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền vay ông L phải trả cho ông D.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

+ Về kháng cáo:

Ông L thừa nhận có vay tiền và ký vào giấy vay tiền ngày 07/11/2019 nhưng cho rằng chỉ vay của ông D số tiền 30.000.000đ mà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh, cũng không được ông D thừa nhận. Tại cấp phúc thẩm ông L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chỉ vay ông D số tiền 30.000.000đ.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất, ông D, ông L và bà T thừa nhận liên quan đến việc vay nợ giữa ông D và ông L nên cấp sơ thẩm tuyên buộc ông L trả ông D số tiền 250.000.000đ theo giấy vay ông L ký nhận là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Phan Văn L gửi đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo:

[2.1] Theo ông L trình bày thì vào năm 2010, ông L có vay tiền ông D nhiều lần, tổng cộng 30.000.000đ. Khi vay không làm giấy tờ, ông D chỉ ghi vào sổ do ông D giữ. Ông có ký vào giấy vay tiền đề ngày 07/11/2019 với số tiền vay là 250.000.000đ, việc ông ký vào giấy vay tiền này là do ông D buộc ông vào thế đã rồi vì giấy vay tiền do ông D ghi sẵn nên phải ký. Theo ông D trình bày thì ông L vay nhiều lần tổng cộng là 250.000.000đ, mỗi lần vay tiền ông L đều có viết giấy vay. Ngày 07/11/2019, hai bên tổng hợp lại thành giấy vay chung với số tiền 250.000.000đ, ông L xác nhận nợ và ký tên, các giấy vay tiền trước đó ông D xé bỏ không còn lưu giữ. Theo bà Trần Thị Thanh T trình bày thì bà không biết ông D là ai, không biết việc chồng bà là ông L vay tiền của ông D và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà và ông D đứng tên.

[2.2] Quá trình tố tụng, cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành đối chất giữa các bên nhằm xác định nợ vay và nghĩa vụ trả nợ vay. Theo đó, ông L thừa nhận ông D không có dùng vũ lực gì để ép buộc ông L phải ký giấy vay tiền ngày 07/11/2019 với số tiền vay là 250.000.000đ nhưng vẫn xác định chỉ vay của ông D số tiền 30.000.000đ mà không cung cấp được cứ gì để chứng minh, trong khi ông D không thừa nhận. Thông qua đối chất các bên xác định bà T không liên quan đến việc vay nợ giữa ông D với ông L nên ông D không yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm trả nợ. Ông L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh chỉ vay của ông D số tiền 30.000.000đ. Do vậy, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông L trả lại ông D số tiền vay 250.000.000đ là có căn cứ nên kháng cáo của ông L không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên ông L chịu 12.500.000đ. Hoàn trả ông D tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành bản án của Tòa án: Được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận. Vì không có chứng cứ nào chứng minh việc ông D gây áp lực về mặt tinh thần buộc ông D phải ký giấy vay số tiền 250.000.000đ. Theo Biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện thì bà H đại diện cho ông D có trình bày ông D đang bị bệnh, cần tiền chữa bệnh, nếu ông L đồng ý trả cho ông D ngay thì ông D chỉ yêu cầu ông L trả số tiền 180.000.000đ để lấy tiền chữa bệnh, không có nội dung nào thể hiện bà H xác định ông L chỉ nợ ông D tiền vay gốc là 180.000.000đ theo như người bảo vệ cho ông L trình bày.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12,

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với ông Phan Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc ông Phan Văn L trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

1.2. Ông Nguyễn Văn D trả lại cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 776767 đối với thửa đất số 259 tờ bản đồ số 6, khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn L phải chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả ông Nguyễn Văn D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008478 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005700 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Ông L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành bản án của Tòa án.

3.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Long Khánh;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Hưng